



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 12 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thử nghiệm Mặt dựng Nhôm kính, Cửa sổ, Cửa đi

Laboratory: Curtain Wall, Window and Door Testing Laboratory

Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Winwall Technology (Việt Nam)

Organization: Winwall Technology (Vietnam) Company Limited

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

Người quản lý/ Laboratory manager: Mr. Chin Yun Fen

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Mr. Chin Yun Fen	Các phép thử được công nhận/Accredited Tests
2.	Mr. Goh Aik Wee	
3.	Mr. Đinh Anh Vũ	

Số hiệu/ Code: VILAS 775

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /12/2023 đến ngày /12/2026

Địa chỉ/ Address:

Số 10-1A đường số 3A, KCN An Tây, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
No 10-1A, 3A road, An Tay industrial par, Ben Cat ward, Binh Duong province, Vietnam

Địa điểm/Location:

Số 10-1A đường số 3A, KCN An Tây, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
No 10-1A, 3A road, An Tay industrial par, Ben Cat ward, Binh Duong province, Vietnam

Điện thoại/ Tel: 0917 296 044

E-mail: anhvu.dinh@winwall.com.sg

Website: www.winwall.com.sg

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 775

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cửa sổ khung nhôm <i>Aluminium alloy windows</i>	Xác định độ lọt khí <i>Determination of air infiltration</i>	Đến/ To: 400 m ³ /h Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	SS 212: 2007
2.		Xác định độ lọt nước tĩnh <i>Determination of water tightness</i>	Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	SS 212: 2007
3.		Xác định độ bền áp lực gió <i>Determination of wind resistance</i>	Đến/ To: 10 kPa Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	SS 212: 2007
4.	Cửa đi lùa khung nhôm <i>Aluminium framed sliding door</i>	Xác định độ lọt khí <i>Determination of air infiltration</i>	Đến/ To: 400 m ³ /h Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	SS 268: 2014
5.		Xác định độ lọt nước tĩnh <i>Determination of water tightness</i>	Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	SS 268: 2014
6.		Xác định độ bền áp lực gió <i>Determination of wind resistance</i>	Đến/ To: 10 kPa Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	SS 268: 2014
7.	Cửa sổ, Trần kính, Cửa đi và Mặt Dựng Nhôm Kính Mặt Tiền <i>Exterior Windows, Skylight, Doors, and Curtain Walls (building facades)</i>	Xác định độ lọt khí <i>Determination of air infiltration</i>	Đến/ To: 400 m ³ /h Mặt dựng / <i>Curtain wall</i> : 12m x12m	AS/NZS 4284: 2008 ASTM E283/E283M-19 SS 654:2020

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 775

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Cửa sổ, Trần kính, Cửa đi và Mặt Dựng Nhôm Kính Mặt Tiền <i>Exterior Windows, Skylight, Doors, and Curtain Walls (building facades)</i>	Xác định độ lọt nước tĩnh <i>Determination of static water penetration</i>	Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AS/NZS 4284: 2008 ASTM E331 – 00 (Reapproved 2023) SS 654:2020
9.		Xác định độ lọt nước tuần hoàn <i>Determination of cyclic water penetration</i>	Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AS/NZS 4284: 2008 ASTM E547 - 00 (Reapproved 2016) SS 654:2020
10.		Xác định độ lọt nước động <i>Determination of dynamic water penetration</i>	Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AAMA 501.1-17
11.		Xác định khả năng chịu áp lực thiết kế <i>Determination of structural performance</i>	Đến/ To: 10 kPa Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AS/NZS 4284: 2008 ASTM E330/E330M-14 (Reapproved 2021) SS 654:2020
12.		Xác định khả năng chịu áp lực cực hạn <i>Determination of proof load</i>	Đến/ To: 10 kPa Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AS/NZS 4284: 2008 ASTM E330/E330M-14 (Reapproved 2021) SS 654:2020
13.		Xác định độ lọt nước sau lão hóa chất trám. <i>Determination of water penetration after seal degradation</i>	Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AS/NZS 4284: 2008
14.		Xác định độ dịch chuyển ngang giữa các tầng khi chịu tác động bởi gió và động đất <i>Determination horizontal displacement in the plane of the wall when subject to seismic and wind-induced</i>	Đến/ To: 50 mm Mặt dựng / <i>Curtain wall:</i> 12m x12m	AAMA 501.4-18

Ghi chú/Note:

- SS: Singapore Standards
- ASTM: American Society for Testing and Materials
- AS/NZS: Standards Australia/ Standards New Zealand
- AAMA: American Architectural Manufacturers Association

